

Bản án số: **61/2024/HS-ST**
Ngày 21 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Cao Đức
2. Bà Trần Thị Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Tuấn – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Lưu Bích T; sinh năm 1980; tại Thành phố H cư trú (Nơi đăng ký thường trú: 3 L, Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 2 M, Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Tấn T1 và bà Nguyễn Thị A; có chồng và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/9/2022 đến nay. (có mặt)

2. Đặng Tấn L; sinh ngày 05/01/2006; tại Thành phố Hồ Chí Minh (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 08 tháng 09 ngày); nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: 3 L, Phường C, Quận H, Thành phố H, chỗ ở: 2 M, Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Phước N và bà Lưu Bích T2; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (có mặt)

3. Nguyễn Ngọc V; sinh ngày 04/8/2005; tại Thành phố Hồ Chí Minh (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 01 tháng 10 ngày); nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: A P, Phường D, Quận F, Thành phố H, chỗ ở: 4 Hậu G, Phường C, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh)

Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc N1 và bà Trần Thanh T3; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (có mặt)

4. Nguyễn Minh N2; sinh ngày 19/9/2005; tại Thành phố Hồ Chí Minh (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 11 tháng 26 ngày); nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: A M, Phường C, Quận H, Thành phố H, chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị Ngọc P; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/8/2023 đến nay. (có mặt)

5. Phạm Ngọc D; sinh ngày 07/3/2005; tại Thành phố Hồ Chí Minh (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 06 tháng 07 ngày); nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: A H, Phường C, Quận H, Thành phố H, chỗ ở: 9 L, Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hoàng T4 và bà Âu Ngọc P1; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. (có mặt)

6. Nguyễn Minh T5 ngày 03/11/2006 tại Thành phố Hồ Chí Minh (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 15 tuổi 10 tháng 11 ngày); nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: A M, Phường C, Quận H, Thành phố H, chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị Ngọc P; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/8/2023 đến nay. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Minh T6: Bà Lê Thị Ngọc N3 – Luật sư của Văn phòng Luật sư Trịnh Bá T7, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo* Nguyễn Minh T6: Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1978 - là cha ruột của bị cáo; nơi cư trú: A M, Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- *Bị hại:*

1. Ông Nguyễn Anh T8, sinh năm 1966; nơi đăng ký thường trú: F Rạch C, Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1987; nơi đăng ký thường trú: F Rạch C, Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng năm 2017, anh Nguyễn Ngọc A có mượn tiền của Lưu Bích T2 và A vẫn còn thiếu nợ T2 số tiền 30.000.000 đồng. Do A thiếu nợ nhưng không trả và trốn tránh T2, T2 đã nhiều lần đến nơi ở của A tại nhà không số đối diện nhà số F Rạch C, Phường C, Quận H để tìm A đòi tiền nhưng không gặp. Khi đến nhà A thì T2 thường la chửi để kiểm A nhưng không gặp được A, những người hàng xóm xung quanh góp ý về việc T2 làm ồn gây mất trật tự thì T2 cự cãi, la chửi hàng xóm của A. Sau đó, T2 có hình ảnh xe gắn máy có biển số 59L3-

254.62 của A và gửi qua điện thoại của con T2 là Đặng Tấn L2 và nói L2 khi nào qua nhà của A nếu thấy xe gắn máy của A thì gọi điện thoại cho T2 để T2 đến gặp A đòi tiền.

Vào khoảng 18 giờ 20 phút, ngày 14/9/2022, sau khi ngồi uống nước tại khu vực trường B, Phường C, Quận H, L2 rủ một số bạn của L2 gồm Nguyễn Ngọc V1, Nguyễn Minh T6, Nguyễn Minh N4, Phạm Trương Bảo N5 (sinh ngày 09/01/2009) và Phạm Ngọc D1 cùng tham gia với L2 đi đòi tiền giúp L2 thì cả nhóm đồng ý. V1 điều khiển xe Wave, biển số: 59K1-798.51 chở L2, D1 chở N5 (không rõ biển số xe), N4 chở T6 (không rõ biển số xe). Khi đi đến đầu hẻm S Rạch C, Phường C, Quận H, L2 kêu N5 và D1 vào nhà của A xem xe gắn máy biển số 59L3-254.62 của A có để ở nhà hay không thì báo cho L2 biết. Sau khi đi vào trong hẻm thì N5 và D1 đi ra ngoài đầu hẻm nói có xe của A trong nhà, L2 kêu V1, T6, N5 và D1 đi vào trong để canh xe gắn máy của A. Lúc này, có chủ của A là ông Nguyễn Anh T8 đang ở đây biết cả nhóm đến đòi tiền A nên ông T8 có la chửi và đuổi cả nhóm về, sau đó ông T8 tới Công an khu vực để trình báo. Còn L2 và N4 bên ngoài canh xe, L2 gọi điện cho T2 báo là phát hiện xe gắn máy của A đang ở nhà để T2 đến đòi nợ, siết xe.

Sau khi nghe L2 thông báo, T2 kêu Huỳnh Văn H (là người quen biết với T2) điều khiển xe gắn máy chở T2 đi qua nhà A. Khi đi đến đầu hẻm S Rạch C, Phường C, Quận H rồi dừng xe lại gặp L2 đang đứng đầu hẻm giữ xe. T2 đi bộ vào trong nhà của A để tìm A nhưng không thấy nên như mọi khi T2 lớn tiếng la chửi A và hàng xóm xung quanh nhằm mục đích ép A ra trả tiền nhưng không thấy A ở đâu, còn xe gắn máy biển số 59L3-254.62 để trong nhà không có ai trông coi. Lúc này, A nghe tiếng chửi và thấy T2 cùng nhiều người đến đòi nợ nên A bỏ đi ra khỏi nhà và trốn bên nhà hàng xóm cạnh bên. Không thấy A ra nên T2 kêu N5 và D1 đi vào trong nhà lấy xe gắn máy biển số 59L3-254.62 của A để cầm trả nợ mà A thiếu. Do xe gắn máy khóa cô nên N5 và D1 kéo xe ra khỏi nhà rồi N4 và V1 vào phụ giúp kéo xe ra đến gần đầu hẻm. Lúc này N5 và D1 có cự cãi và xô xát với chị Hồ Trần Bảo N6 vì nghĩ chị N6 đang quay video ghi lại sự việc. T2 nói lớn “*Những người không có liên quan mà cản trở thì tui mày đập hết cho tao*”. Lúc này, ông T8 đi trình báo Công an nhưng không gặp ai vừa về tới nơi thì thấy N5 và D1 đang đuổi N6 nên chạy tới can ngăn, đẩy N5 và D1 té xuống đất, còn ông T8 té xuống bậc thềm bị xây xát ở bàn chân. V1 thấy sự việc nên tiến đến dùng nón bảo hiểm V1 đang đội đánh vào đầu của ông T8 03 cái gây thương tích. Sau đó, cả nhóm đi ra ngoài đầu hẻm, T2 kêu L2 và N4 tìm xe ba gác để chở xe gắn máy trên đi mở ổ khóa. Tiếp đó, L2 và N4 tìm được một xe ba gác không rõ biển số nên kêu người đàn ông (không rõ lai lịch) đến chở xe của A đi. L2, N4, T6, V1 khiêng xe gắn máy của anh A lên xe ba gác để chở đi đến khu vực chợ X, Phường C, Quận H (không rõ địa chỉ) để mở khóa xe.

Khi đi thì L2 và T6 đi theo trên xe ba gác, còn V1 đi một xe, H chở T2 đi theo sau, còn N4, N5 và D1 đi về nhà. Đến nơi mở khóa xe do một người đàn ông (không rõ lai lịch) mở khóa thì T2 trả 400.000 đồng tiền xe ba gác rồi người này đi đâu không rõ, sau khi mở khóa và làm chìa khóa xong T2 trả 100.000 đồng cho thợ mở khóa, T2 kêu L2 đem xe gắn máy trên đi cất ở bãi giữ xe, rồi H chở T2 đi uống cà phê. Sau đó, T6 chạy xe gắn máy của anh A, V1 chở L2 qua bãi xe tại số B T, Phường C, Quận H để gửi xe. Khi đến nơi thì T6 đi vào bên trong gửi xe, L2 và V1 đứng bên ngoài chờ. Sau khi gửi xe xong, V1 chở L2 và T6 đi về nhà, rồi V1 cũng đi về nhà mình. Còn nón bảo hiểm bị bể nên V1 vứt bỏ trên đường đi không rõ địa chỉ. Sau khi sự việc xảy ra, anh A tới Công an P2, Quận H trình báo sự việc.

Ông Nguyễn Anh T8 bị thương tích gây phù đập, tụ máu mỏng phâm mềm lan rộng trước, bên ngoài mắt, gò má, thái dương trán trái. Tại Cơ quan điều tra, ông T8 yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị can và giám định thương tích.

Ngày 21/10/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Quận H có Kết luận định giá số 257/KL-HĐĐGTS xác định xe gắn máy Honda Vision biển số 59L3-254.62 có trị giá là 32.000.000 đồng.

Ngày 29/5/2023, Trung tâm pháp y Sở Y tế Thành phố H có Kết luận giám định pháp y số 338/KLTTCT-TTPY.2023 kết luận thương tật đối với ông Nguyễn Anh T8 như sau:

“1. Các kết quả chính:

- Đa chấn thương phần mềm đã được điều trị, hiện:

+ Còn 01 sẹo vùng thái dương đỉnh trái kích thước 0,9x0,1cm

Có tỉ lệ 1%.

Thương tích do vật tày, vật tày có cạnh, vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc tác động gây ra.

+ Không còn sưng nề vùng trán.

Thông tư 22/2019/TT-BYT không quy định về tỉ lệ về sưng nề.

Nghĩ nhiều do vật tày tác động gây ra.

+ Không còn dấu vết thương tích vùng cẳng chân trái.

Có tỷ lệ 00% (không phần trăm).

Không đủ cơ sở xác định hung khí.

- Chấn thương bàn chân trái gây sưng nề mô mềm, gãy kín xương bàn V đã được điều trị, hiện:

+ Không còn sưng nề vùng bàn chân.

+ Còn hình ảnh gãy xương trên phim chụp Xquang.

Có tỉ lệ 3% (Ba phần trăm).

Thương tích trên do vật tày tác động gây ra.

- Chấn thương vùng mắt trái gây sưng bầm kèm trầy da mi trên, trầy biểu mô giác mạc đã được điều trị, hiện:

+ Không còn dấu vết thương tích bên ngoài.

+ Giác mạc trong, thị lực sau chỉnh kính 10/10.

Có tỉ lệ 00% (Không phần trăm).

Thương tích trên do vật tày, vật tày có cạnh tác động gây ra.

Tất cả các thương tích trên không gây nguy hiểm tính mạng đương sự.

2. Kết luận

- Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Anh T8 tại thời điểm giám định là 04% (Bốn phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư”.

Sau khi có kết luận giám định pháp y, ông T8 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Tuy nhiên, đối với thương tích ở bàn chân có tỉ lệ 3% thì ông T8 không yêu cầu V1 phải chịu trách nhiệm hình sự về thương tích này do ông T8 tự té ngã.

Tiến hành xác minh tại khu vực nơi xảy ra sự việc, ghi lời khai những người chứng kiến và biết việc điều xác nhận, T2 đã nhiều lần tới gây mất trật tự khu vực, đặc biệt, hành vi ngày 14/9/2022 của T2 và đồng phạm làm ảnh hưởng rất nghiêm trọng tới trật tự trị an, quần chúng nhân dân hoang mang và mất niềm tin vì các đối tượng lấy tài sản, đánh người một cách công khai thể hiện sự coi thường pháp luật.

Tại Cơ quan điều tra, Lưu Bích T2, Nguyễn Ngọc V1, Đặng Tấn L2, Nguyễn Minh N4, Phạm Ngọc D1, Nguyễn Minh T6 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. V1, L2, N4, D1, T6 khai khi T2 tới và chỉ đạo thì cả nhóm mới dám lấy tài sản và V1 mới có hành vi đánh ông T8.

Đối với điện thoại di động T2 và L2 liên lạc, cả hai khai nhận đã làm mất nên không có cơ sở tạm giữ để xử lý.

Vật chứng trong vụ án:

- 01 xe gắn máy biển số 59L3-285.27, số máy JF7E0417995, số khung: RLHJF1804AY 369377 do Lưu Bích T2 đứng tên sở hữu;

- 01 xe gắn máy biển số 59L3-254.62, số máy: JK03E0022321, số khung: RLHJK0308MY 016240 do anh Nguyễn Ngọc A đứng tên sở hữu. Ngày 17/4/2023, Cơ quan điều tra Quyết định xử lý bằng hình thức trao trả lại xe trên cho anh A.

- 01 xe gắn máy biển số 59K1-798.51, số máy: HC12E-1378585, số khung: RLHHC12199 Y177702, là xe V1 chở L2 đi đòi nợ. Qua xác minh, xe này thuộc sở hữu của ông Nguyễn Ngọc N1 (cha ruột của V1), khi cho V1 mượn xe, ông N1 không biết V1 dùng xe trên để thực hiện hành vi phạm tội. Ngày 17/4/2023, Cơ quan điều tra Quyết định xử lý bằng hình thức trao trả lại xe trên cho ông N1.

Trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, ông Nguyễn Anh T8 yêu cầu những người gây thương tích cho mình bồi thường số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng là chi phí thuốc men, viện phí điều trị vết thương. Anh Nguyễn Ngọc A đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại bản Cáo trạng số 203/CT-VKS-Q8 ngày 20/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Lưu Bích T2, Nguyễn Ngọc V1 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Cố ý gây thương tích”; truy tố các bị cáo Đặng Tấn L2, Nguyễn Minh N4, Nguyễn Minh T6, Phạm Ngọc D1 về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Tại phiên tòa,

Bị hại Nguyễn Anh T8 xác định đã được các bị cáo Lưu Bích T2 và Nguyễn Ngọc V1 bồi thường số tiền 22.000.000 đồng khắc phục hậu quả và không yêu cầu các bị cáo bồi thường

thêm. Đồng thời, do nhận thấy các bị cáo đã thực sự ăn năn hối cải nên bị hại T8 tự nguyện xin rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự về tội “Cố ý gây thương tích” đối với các bị cáo Lưu Bích T2 và Nguyễn Ngọc V1, việc rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự này của bị hại T8 là hoàn toàn tự nguyện và không bị ép buộc, cưỡng bức.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm: Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Anh T8 rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với vụ án “Cố ý gây thương tích” do các bị cáo Lưu Bích T2 và Nguyễn Ngọc V1 thực hiện, việc rút yêu cầu của bị hại T8 là tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử đối với các bị cáo Lưu Bích T2, Nguyễn Ngọc V1 về tội “Cố ý gây thương tích”. Tuy nhiên, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Lưu Bích T2, Đặng Tấn L2, Nguyễn Ngọc V1, Nguyễn Minh N4, Nguyễn Minh T6, Phạm Ngọc D1 về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lưu Bích T2 từ 05 năm đến 06 năm tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Đặng Tấn L2 từ 03 năm 03 tháng đến 04 năm tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc V1 từ 03 năm đến 04 năm tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N4 từ 03 năm đến 03 năm 09 tháng tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Phạm Ngọc D1 từ 03 năm đến 03 năm 09 tháng tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58, Điều 91, khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T6 từ 02 năm đến 03 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Ngọc A đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì khác nên không đề cập giải quyết.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T6 trình bày quan điểm bào chữa như sau: Trong vụ án, bị cáo Nguyễn Minh T6 có vai trò đồng phạm, khi phạm tội, bị cáo chưa đủ 16 tuổi, nhận thức chưa đúng đắn, bị cáo xem bị cáo T2 như mẹ nuôi nên khi nghe bị cáo T2 xúi giục và bị cáo L2 rủ rê thì bị cáo T6 làm theo, mục đích là giúp đỡ bị cáo T2 mà không hứa

hẹn gì và chưa nhận thức rõ ràng về hành vi và hậu quả. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, ăn năn, hối cải về lỗi lầm của mình gây ra, tài sản chiếm đoạt cũng đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Từ đó, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét quyết định mức hình phạt khoan hồng nhất, cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và sớm hòa nhập cộng đồng, làm công dân có ích cho xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp hơn mức án Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Các bị cáo Lưu Bích T2, Nguyễn Ngọc V1, Đặng Tấn L2, Nguyễn Minh N4, Phạm Ngọc D1, Nguyễn Minh T6 và người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Minh T6 không có ý kiến tranh luận, tranh luận bổ sung; các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Anh T8 xác định đã được các bị cáo Lưu Bích T2, Nguyễn Ngọc V1 bồi thường thiệt hại số tiền 22.000.000 đồng, đồng thời có đơn rút yêu cầu khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích” đối với các bị cáo Lưu Bích T2, Nguyễn Ngọc V1. Xét việc bị hại T8 rút yêu cầu khởi tố là tự nguyện, không bị ép buộc, cưỡng bức nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử đối với các bị cáo Lưu Bích T2, Nguyễn Ngọc V1 về tội “Cố ý gây thương tích”.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Lúc 18 giờ 20 phút, ngày 14/9/2022, tại nhà không số đối diện số F Rạch C, Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Lưu Bích T2 đã yêu cầu các bị cáo Nguyễn Ngọc V1, Đặng Tấn L2, Nguyễn Minh N4, Phạm Ngọc D1, Nguyễn Minh T6 thực hiện hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực và lợi dụng sự đông người uy hiếp tinh thần đối với bị hại Nguyễn Ngọc A và chiếm đoạt tài sản của anh A là 01 xe gắn máy hiệu Honda Vision biển số 59L3-254.62 có trị giá 32.000.000 đồng. Qua điều tra xác định, xuất phát từ mục đích tìm bị hại A gây áp lực để đòi tiền nợ, trước đó bị cáo T2 đã nhiều lần đến nơi ở của bị hại A để lớn tiếng chửi bới, gây ồn ào mất trật tự tại khu vực; khi bị những người xung quanh ý kiến thì T2 phản ứng chửi lại... Như vậy, hành vi của bị cáo Lưu Bích T2 và đồng phạm được xác định là có ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, đây là tình tiết định khung hình phạt “Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội” của tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

[4] Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Cưỡng đoạt tài sản” như sau:

“1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm;

...

đ) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[5] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Lưu Bích T2, Nguyễn Ngọc V1, Đặng Tấn L2, Nguyễn Minh N4, Nguyễn Minh T6, Phạm Ngọc D1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo Lưu Bích T2 và các đồng phạm về tội “Cưỡng đoạt tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc. Xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải về lỗi lầm của mình gây ra; các bị cáo phạm tội lần đầu; tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo T2 điều kiện kinh tế còn khó khăn, khó thi hành án; các bị cáo còn lại phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Trong vụ án này, bị cáo Lưu Bích T2 là người khởi xướng, xúi giục bị cáo Đặng Tấn L2 là người dưới 18 tuổi phạm tội. Sau đó, bị cáo L2 tiếp tục rủ rê, xúi giục thêm các bị cáo còn lại đều là người dưới 18 tuổi tham gia phạm tội. Do đó, hành vi của các bị cáo T2, L2 thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự “*xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” theo điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[9] Khi thực hiện hành vi phạm tội, trừ bị cáo Lưu Bích T2 thì 05 bị cáo còn lại phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, trong đó bị cáo Nguyễn Minh T6 phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi, nên Hội đồng xét xử áp dụng các điều 91, 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét, quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[10] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn tại địa phương, xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly các bị cáo Lưu Bích T2, Nguyễn Ngọc V1, Đặng Tấn L2, Nguyễn Minh N4,

Nguyễn Minh T6 ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[11] Xét các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm nhưng chỉ mang tính nhất thời, giản đơn. Bị cáo T2 với vai trò khởi xướng, rủ rê và xúi giục; các bị cáo D1, V1, N4, T6, L2 có vai trò giúp sức và trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại A. Như vậy, hành vi của bị cáo T2 có mức độ và tính chất nguy hiểm hơn hành vi, vai trò của các bị cáo còn lại, hành vi của các bị cáo còn lại có mức độ và vai trò ngang nhau. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét quyết định hình phạt phù hợp với tính chất, vai trò của từng bị cáo.

[12] Xét bị cáo Phạm Ngọc D1 có nhân thân tốt, bị cáo là người duy nhất trong các đồng phạm hiện còn đang đi học, có thành tích cao trong học tập và đã trúng tuyển vào trường đại học. Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, có khả năng tự cải tạo, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo không có tình tiết tăng nặng nên Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo với một thời gian thử thách nhất định theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cũng đủ để răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[13] Xét lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T6, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo, bị cáo phạm tội khi mới 15 tuổi 10 tháng 11 ngày, bị cáo phạm tội do bị rủ rê, xúi giục, khả năng nhận thức chưa đầy đủ. Do đó, đề nghị của người bào chữa về việc xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có cơ sở xem xét, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[14] Đối với giao dịch vay mượn tiền giữa Nguyễn Ngọc A và Lưu Bích T2, cả hai khai nhận đây là giao dịch dân sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q không xem xét xử lý là phù hợp quy định pháp luật. Trường hợp có yêu cầu thì các bên có thể khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo trình tự tố tụng dân sự.

[15] Đối với Huỳnh Văn H, do không biết, không chứng kiến hành vi phạm tội và T2 không nói cho H biết việc cưỡng đoạt xe của anh A nên không đủ căn cứ xem xét vai trò đồng phạm đối với H về hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác.

[16] Đối với Phạm Trương Bảo N5 (sinh ngày 09/01/2009), thời điểm xảy ra vụ án, N5 chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp quy định pháp luật.

[17] Về xử lý vật chứng trong vụ án: Xe gắn máy biển số 59L3-285.27, số máy JF7E0417995, số khung: RLHJF1804AY 369377 do Lưu Bích T2 đứng tên sở hữu, xét bị cáo dùng làm phương tiện đi thực hiện hành vi phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[18] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Ngọc A đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[19] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo Lưu Bích T2, Đặng Tấn L2, Nguyễn Ngọc V1, Nguyễn Minh N4, Phạm Ngọc D1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Riêng bị cáo Nguyễn Minh T6 phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi nên căn cứ Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đình chỉ xét xử về tội danh “Cố ý gây thương tích” đối với các bị cáo Lưu Bích T2 và Nguyễn Ngọc V1 do bị hại Nguyễn Anh T8 có đơn rút yêu cầu khởi tố vụ án.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 170; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lưu Bích T2 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/9/2022.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 170; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Đặng Tấn L2 03 (ba) năm tù, về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 170; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc V1 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N4 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/8/2023.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 170; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58, Điều 91, khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T6 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/8/2023.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 170; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 65, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc D1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Ngọc D1 cho Ủy ban nhân dân Phường C1, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 xe gắn máy biển số 59L3-285.27, số máy JF7E0417995, số khung: RLHJF1804AY369377.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/10/2023).

- Căn cứ vào Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc mỗi bị cáo Lưu Bích T2, Đặng Tấn L2, Nguyễn Ngọc V1, Nguyễn Minh N4, Phạm Ngọc D1 nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Lưu Bích T2, Nguyễn Ngọc V1, Đặng Tấn L2, Nguyễn Minh N4 Phạm Ngọc D1, Nguyễn Minh T6, người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Minh T6, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T6 và bị hại Nguyễn Anh T8 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại Nguyễn Ngọc A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo Phạm Ngọc D1).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND Quận 8;
- VKSND TP.HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THAHS CA Quận 8;
- Trại tạm giam Chí Hòa;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phúc